

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Nguyễn Thị Kim Anh	HK1	8.1 ₃	5.9 ₂₂	7.6 ₉	6.9 ₂₁	8.2 ₁₄	6.5 ₂₇	7.2 ₂₃	6.9 ₂₀	8.3 ₂	8.5 ₂	7.4 ₃	Đ			7.4 ₉	0 0	K	T	TT	
2	Bùi Thị Phương Hoa	HK1	6.6 ₂₆	5.8 ₂₄	8.2 ₃	6.7 ₂₄	7.5 ₃₃	6.8 ₂₀	6.4 ₃₂	6.9 ₂₀	6.8 ₂₆	7.9 ₁₈	7.3 ₅	Đ			7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
3	Phạm Thị Hòa	HK1	7.2 ₁₆	6.8 ₆	5.8 ₃₄	7.7 ₄	8.2 ₁₄	6.7 ₂₆	8.3 ₃	6.7 ₃₀	6.9 ₂₂	8.2 ₁₀	7.1 ₁₂	Đ			7.2 ₁₂	0 0	K	T	TT	
4	Nguyễn Thị Hoàn	HK1	6.8 ₂₄	5.7 ₂₆	6.4 ₂₉	6.1 ₃₃	7.8 ₂₇	7.4 ₄	7.4 ₁₅	7.0 ₁₉	6.9 ₂₂	7.6 ₂₃	6.9 ₁₉	Đ			6.9 ₂₈	0 0	K	T	TT	
5	Bùi Thị Hồng	HK1	7.3 ₁₀	6.8 ₆	7.0 ₁₉	6.7 ₂₄	8.3 ₁₀	7.2 ₁₀	7.1 ₂₅	7.6 ₅	6.9 ₂₂	7.6 ₂₃	6.9 ₁₉	Đ			7.2 ₁₂	0 0	K	T	TT	
6	Nguyễn Thị Huế	HK1	6.9 ₂₂	5.7 ₂₆	6.7 ₂₈	7.1 ₁₇	8.2 ₁₄	7.0 ₁₅	7.2 ₂₃	7.1 ₁₅	6.0 ₃₄	8.0 ₁₅	6.5 ₂₇	Đ			6.9 ₂₈	0 0	K	T	TT	
7	Trần Thị Huế	HK1	6.2 ₃₁	5.5 ₃₀	6.8 ₂₆	6.4 ₂₈	8.0 ₁₉	7.3 ₅	7.7 ₁₀	7.2 ₁₄	7.3 ₁₃	7.3 ₂₈	6.7 ₂₄	Đ			6.9 ₂₈	1 0	K	T	TT	
8	Phạm Thị Hương	HK1	7.4 ₉	6.3 ₁₅	8.5 ₁	7.3 ₁₅	8.6 ₃	7.3 ₅	7.8 ₇	7.8 ₃	6.8 ₂₆	8.5 ₂	7.4 ₃	Đ			7.6 ₄	0 0	K	T	TT	
9	Phạm Thị Hương	HK1	6.5 ₂₈	6.1 ₂₀	7.5 ₁₃	6.4 ₂₈	7.7 ₂₉	6.8 ₂₀	7.9 ₆	7.4 ₉	6.7 ₂₉	8.2 ₁₀	6.4 ₃₁	Đ			7.1 ₁₆	0 0	K	K	TT	
10	Hoàng Thị Ngọc La	HK1	8.0 ₅	7.5 ₃	7.5 ₁₃	6.8 ₂₂	8.3 ₁₀	7.3 ₅	7.4 ₁₅	6.9 ₂₀	7.4 ₁₀	8.5 ₂	7.3 ₅	Đ			7.5 ₅	1 0	K	T	TT	
11	Lê Thị Lan	HK1	7.3 ₁₀	6.3 ₁₅	7.6 ₉	6.7 ₂₄	8.3 ₁₀	7.1 ₁₂	7.1 ₂₅	7.1 ₁₅	7.0 ₂₀	8.3 ₇	6.4 ₃₁	Đ			7.2 ₁₂	0 0	K	T	TT	
12	Phạm Thị Kim Liên	HK1	7.3 ₁₀	6.7 ₉	7.6 ₉	7.6 ₈	8.5 ₆	6.8 ₂₀	8.0 ₅	6.9 ₂₀	7.1 ₁₇	8.1 ₁₂	7.1 ₁₂	Đ			7.4 ₉	1 0	K	T	TT	
13	Bùi Thị Thùy Linh	HK1	7.0 ₂₁	5.7 ₂₆	6.4 ₂₉	7.7 ₄	7.5 ₃₃	6.9 ₁₈	6.4 ₃₂	6.9 ₂₀	7.5 ₈	7.3 ₂₈	8.0 ₁	Đ			7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
14	Bùi Nhật Long	HK1	8.0 ₅	6.2 ₁₈	7.7 ₈	7.4 ₁₄	8.6 ₃	6.9 ₁₈	7.4 ₁₅	7.7 ₄	7.4 ₁₀	7.9 ₁₈	6.9 ₁₉	Đ			7.5 ₅	0 0	K	T	TT	
15	Hoàng Phương Ly	HK1	6.9 ₂₂	6.7 ₉	7.0 ₁₉	6.8 ₂₂	8.1 ₁₈	6.2 ₃₄	7.7 ₁₀	6.3 ₃₁	6.7 ₂₉	7.4 ₂₆	6.9 ₁₉	Đ			7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
16	Nguyễn Thị Mai	HK1	5.9 ₃₃	5.8 ₂₄	7.0 ₁₉	7.0 ₁₉	8.0 ₁₉	6.8 ₂₀	8.1 ₄	7.3 ₁₁	7.3 ₁₃	7.1 ₃₁	7.1 ₁₂	Đ			7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
17	Bùi Thị Mến	HK1	7.2 ₁₆	6.8 ₆	7.3 ₁₆	7.6 ₈	8.0 ₁₉	6.8 ₂₀	7.4 ₁₅	6.9 ₂₀	7.3 ₁₃	8.4 ₆	7.1 ₁₂	Đ			7.3 ₁₁	0 0	K	T	TT	
18	Lê Thị Nga	HK1	7.3 ₁₀	7.1 ₅	7.9 ₄	7.6 ₈	8.3 ₁₀	7.3 ₅	8.4 ₂	7.5 ₆	7.8 ₅	8.0 ₁₅	7.1 ₁₂	Đ			7.7 ₃	0 0	K	T	TT	
19	Bùi Doanh Ngân	HK1	7.6 ₈	7.8 ₁	8.4 ₂	7.9 ₂	8.7 ₁	7.1 ₁₂	7.7 ₁₀	7.3 ₁₁	7.9 ₄	8.5 ₂	7.3 ₅	Đ			7.8 ₂	0 0	K	T	TT	
20	Nguyễn Thị Ngoan	HK1	7.1 ₁₈	6.4 ₁₄	7.0 ₁₉	6.4 ₂₈	8.0 ₁₉	6.4 ₃₀	7.4 ₁₅	7.1 ₁₅	6.5 ₃₁	7.7 ₂₀	7.3 ₅	Đ			7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
21	Trịnh Thị Linh Ngọc	HK1	6.2 ₃₁	6.6 ₁₁	6.8 ₂₆	7.6 ₈	7.7 ₂₉	7.0 ₁₅	7.4 ₁₅	6.1 ₃₂	6.8 ₂₆	6.4 ₃₄	6.6 ₂₆	Đ			6.8 ₃₂	0 0	K	T	TT	
22	Lê Thị Nhân	HK1	8.2 ₁	6.6 ₁₁	7.4 ₁₅	7.6 ₈	8.2 ₁₄	7.5 ₂	7.0 ₂₈	7.9 ₁	7.7 ₆	8.1 ₁₂	6.5 ₂₇	Đ			7.5 ₅	0 0	K	T	TT	
23	Đinh Tuấn Phong	HK1	6.6 ₂₆	5.9 ₂₂	7.2 ₁₇	7.7 ₄	8.7 ₁	6.3 ₃₁	7.1 ₂₅	5.3 ₃₄	7.5 ₈	8.0 ₁₅	8.0 ₁	Đ			7.1 ₁₆	0 0	K	K	TT	
24	Vũ Hữu Phương	HK1	7.9 ₇	6.2 ₁₈	7.8 ₅	7.6 ₈	8.4 ₉	6.3 ₃₁	5.9 ₃₄	7.5 ₆	6.5 ₃₁	7.7 ₂₀	6.5 ₂₇	Đ			7.1 ₁₆	0 0	K	T	TT	
25	Cao Thị Phương	HK1	5.5 ₃₄	6.0 ₂₁	6.3 ₃₂	7.2 ₁₆	8.0 ₁₉	6.5 ₂₇	7.7 ₁₀	6.8 ₂₈	6.9 ₂₂	8.3 ₇	7.3 ₅	Đ			7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
26	Trần Minh Quyết	HK1	8.1 ₃	7.8 ₁	7.6 ₉	6.4 ₂₈	8.5 ₆	7.1 ₁₂	6.9 ₂₉	7.5 ₆	7.4 ₁₀	6.9 ₃₃	4.1 ₃₄	Đ			7.1 ₁₆	0 0	Tb	K		
27	Dương Thị Thu	HK1	7.1 ₁₈	4.7 ₃₃	6.9 ₂₄	8.2 ₁	7.8 ₂₇	7.3 ₅	7.8 ₇	6.9 ₂₀	7.1 ₁₇	7.2 ₃₀	6.5 ₂₇	Đ			7.0 ₂₁	0 0	Tb	T		
28	Nguyễn Diệu Thùy	HK1	8.2 ₁	6.5 ₁₃	7.8 ₅	7.9 ₂	8.6 ₃	7.6 ₁	8.6 ₁	7.9 ₁	9.1 ₁	8.6 ₁	7.3 ₅	Đ			8.0 ₁	0 0	G	T	GIOI	
29	Vũ Thị Thùy	HK1	6.3 ₂₉	6.3 ₁₅	7.1 ₁₈	7.1 ₁₇	7.9 ₂₆	6.8 ₂₀	7.4 ₁₅	5.9 ₃₃	7.6 ₇	8.1 ₁₂	7.3 ₅	Đ			7.1 ₁₆	0 0	K	T	TT	
30	Dương Thị Thùy	HK1	7.1 ₁₈	4.4 ₃₄	6.4 ₂₉	5.6 ₃₄	7.7 ₂₉	7.5 ₂	7.4 ₁₅	6.8 ₂₈	7.1 ₁₇	7.1 ₃₁	7.1 ₁₂	Đ			6.7 ₃₃	0 0	Tb	T		
31	Cao Thị Trang	HK1	6.8 ₂₄	5.7 ₂₆	6.9 ₂₄	7.0 ₁₉	8.0 ₁₉	6.3 ₃₁	6.5 ₃₁	7.1 ₁₅	7.2 ₁₆	7.4 ₂₆	6.7 ₂₄	Đ			6.9 ₂₈	0 0	K	T	TT	
32	Nguyễn Thị Trang	HK1	7.3 ₁₀	5.5 ₃₀	7.0 ₁₉	6.7 ₂₄	8.0 ₁₉	7.2 ₁₀	7.8 ₇	7.3 ₁₁	7.0 ₂₀	8.3 ₇	6.9 ₁₉	Đ			7.2 ₁₂	0 0	K	T	TT	
33	Phạm Thị Trang	HK1	7.3 ₁₀	7.3 ₄	7.8 ₅	7.7 ₄	8.5 ₆	6.5 ₂₇	7.6 ₁₄	7.4 ₉	8.0 ₃	7.7 ₂₀	7.0 ₁₈	Đ			7.5 ₅	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Lê Thị Thu Trang	HK1	6.3 ²⁹	5.2 ³²	6.1 ³³	6.3 ³²	7.7 ²⁹	7.0 ¹⁵	6.7 ³⁰	6.9 ²⁰	6.5 ³¹	7.6 ²³	6.4 ³¹	Đ			6.6 ³⁴	0 0	K	T	TT	

Số ngày nghỉ có phép:3

Số ngày nghỉ không phép:0

Hạnh kiểm:

- Tốt: 31

- Khá: 3

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 1

- Khá: 30

- Trung bình: 3

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 1

- Tiên tiến: 30

Ngày..... tháng..... năm

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)